

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 249/2022/HSST
Ngày: 27/12/2022*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Lê Phong

- Ông Nguyễn Bính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Thuỳ Chi – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tuyết Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 212/2022/TLST- HS ngày 17 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2022/QĐXXST-HS ngày 12/12/2022 đối với bị cáo:

Trần Minh C; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1963 tại Bình Thuận; Cư trú: thôn 2, xã Thuận Minh, huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Trần Ngọc T (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1942; Có vợ tên Phạm Thị Kim T, sinh năm 1964 và 02 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 22/6/2007, TAND huyện Hàm Thuận Bắc xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án số 36/2007/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/12/2007, đã được xóa án tích; Bị cáo bị bắt truy nã ngày 24/5/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Phan Thiết. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị hại:** Công ty TNHH T M do bà Tạ Thị Mỹ C là người đại diện theo pháp luật (có mặt)

Địa chỉ: 280/20 Trần Hưng Đạo, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Lê Nhật A – sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn Phú Hoà, xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 10/2011, Trần Minh C là người môi giới đất đai, thông qua Nguyễn Văn Bình, là bảo vệ của Công ty TNHH T M do Tạ Thị Mỹ C, làm Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật, biết được Công ty có nhu cầu mua 10.000m² đất trên trục đường QL28 thuộc xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc để xây dựng nhà máy sản xuất hạt điều.

Sau đó Công biết Đỗ Ngọc D, Trần Văn T và Trần Văn C cùng trú tại thôn Bình Lâm, xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc có nhu cầu bán đất có vị trí và diện tích phù hợp với yêu cầu của Công ty nên C đến nhà của D hỏi mua đất, D nói giá 200.000.000 đồng/1.000m², C nói D đưa cho C 01 bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trả lời sau, D đồng ý đưa cho C 01 bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 612046 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 30/9/1994 cho Đỗ Ngọc D, diện tích 7.310m². Sau đó, C nhờ Trần Minh T đến hỏi mua đất của T và C và lấy bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, T đồng ý. Thuyết đến gặp T và C thì T đồng ý bán mảnh đất diện tích 1.880m² với giá 400.000.000 đồng, C đồng ý bán mảnh đất diện tích 3.211m² với giá 220.000.000 đồng/1.000m² và đưa cho T bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 773848 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 03/8/1996 cho Trần Văn T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 612103 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 30/9/1994 cho Nguyễn Thị H (mẹ của Trần Văn C). T về đưa lại cho C 02 bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Sau khi lấy được 03 bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, C gặp B, đưa B đi xem vị trí 03 thửa đất trên. B về lại Công ty báo cho C biết thì C đồng ý mua và nói B “kêu C đến Công ty để giao dịch mua bán”. C đến Công ty gặp Châu, C đưa cho C 03 bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Đỗ Ngọc Diễm, Trần Văn T và Nguyễn Thị H (mẹ của Trần Văn C) và nói là đất này C đã thỏa thuận với những người đó, họ đồng ý bán giá là 125.000.000 đồng/1000m² nên C và C thỏa thuận giá mua bán đất là 125.000.000 đồng/1000m², 10 ngày sau làm hợp đồng và nhận tiền cọc.

Ngày 21/10/2011, C đến Công ty TNHH T M gặp C, C yêu cầu C phải có tài sản thế chấp làm tin thì mới giao tiền cọc cho C. Lúc này, C đưa cho C giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 605932295100481 do UBND thành phố Phan Thiết cấp ngày 29/4/2008 cho Phan Thanh T, C tin tưởng đã ký Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nội dung:

- Chuyển quyền sử dụng đất với tổng diện tích 10.337m², giá 125.000 đồng/m², tổng cộng 1.297.125.000 đồng.

- Công ty TNHH T Mi đặt cọc trước số tiền 200.000.000 đồng, C giao cho C giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Phan Thanh T đứng tên.

- C có trách nhiệm sang tên quyền sử dụng đất qua cho C, chuyển mục đích sử dụng đất từ đất lúa sang đất xây dựng, thời gian chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày lập hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng, C đã nhận tiền đặt cọc 200.000.000 đồng của Công ty TNHH T M. Đầu tháng 11/2011, C tự soạn thảo 03 Hợp đồng đặt tiền cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/10/2011 và giả chữ ký của Đỗ Ngọc D, Trần Văn T, Nguyễn Thị H ký vào hợp đồng, C đem phô tô rồi đưa cho C để C tin tưởng ứng tiền đặt cọc cho C.

Từ ngày 21/10/2011 đến ngày 07/11/2011, C đã 03 lần đưa tiền đặt cọc cho C, mỗi lần 50.000.000 đồng. Như vậy, Công ty TNHH T M đã đưa cho C tổng cộng 350.000.000 đồng.

Đến thời hạn 60 ngày theo hợp đồng đặt cọc, C gọi điện cho C để thực hiện theo hợp đồng thì C đã tự soạn thảo Công văn số 19CV/TNMT ngày 08/01/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận về việc cho phép chuyển đổi mục đích quyền sử dụng đất của Nguyễn Thị H, Trần Văn T và Đỗ Ngọc D, thời hạn được xét duyệt lập hồ sơ chuyển đổi mục đích Quyền sử dụng đất kể từ ngày 25/02/2012, C tự cất chữ ký và con dấu của Huỳnh Giác – Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận trên 01 văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận, rồi dán vào văn bản do Công tự soạn thảo, Công phô tô, rồi đem đến Công ty TNHH T M gặp C, C nói đất đang làm thủ tục chuyển đổi mục đích.

Đến tháng 02/2012, C phát hiện 03 hợp đồng đặt tiền cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với Đỗ Ngọc D, Trần Văn T, Nguyễn Thị H và Công văn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận là giả nên C làm đơn tố cáo, yêu cầu Công hoàn trả lại số tiền 350.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, C đã thừa nhận hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra Công an thành phố Phan Thiết đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can đối với Trần Minh C thì C bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 24/5/2022, C bị bắt theo Quyết định truy nã.

Vật chứng của vụ án:

01 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 605932295100481 do UBND thành phố Phan Thiết cấp ngày 29/4/2008 cho Phan Thanh T.

Tại Thông báo giám định số 79 ngày 24/4/2012 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận trả lời như sau:

- Tài liệu cần giám định: Hai “Hợp đồng đặt tiền cọc v/v chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đề ngày 22/10/2011 là tài liệu photocopy.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Văn T và Đỗ Ngọc D trên hai hợp đồng trên được photocopy.

- Phòng PC54 chỉ tiến hành giám định chữ ký, chữ viết trực tiếp khi có Quyết định trưng cầu giám định của cơ quan trung cầu.

- Phòng PC54 không tiến hành giám định chữ ký, chữ viết là những tài liệu đã được photocopy.

Tại Công văn số 866 ngày 14/9/2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Thuận trả lời như sau:)

01 Công văn số 19CV/TNMT đề ngày 08/01/2022 của Sở tài nguyên và môi trường v/v đồng ý chuyển mục đích QSD đất tại xã Hàm Chính – Hàm Thuận Bắc – Bình Thuận, đây là tài liệu photocopy, chữ viết, chữ ký, hình dấu không được ký và đóng trực tiếp, do vậy không tiến hành giám định.

Xử lý vật chứng và dân sự:

Cơ quan điều tra đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho Phan Thanh T. T không yêu cầu C bồi thường gì về dân sự.

Bà Tạ Thị Mỹ C yêu cầu C trả lại số tiền 350.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng của 350.000.000 đồng kể từ khi C nhận tiền. Gia đình C đã trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho C.

Tại bản cáo trạng số 210/CT-VKS ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết đã truy tố Trần Minh C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo mức án từ 07 đến 08 năm tù. Đồng thời đề nghị áp dụng các quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải trả lại cho người bị hại số tiền đã chiếm đoạt còn lại là 250.000.000 đồng và 350.000.000đ tiền lãi theo quy định pháp luật.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa, không tranh luận gì với Kiểm sát viên đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như lời kết tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là đầy đủ và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo: *Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có*

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 21/10/2011 đến tháng 02/2012, tại khu công nghiệp thành phố Phan Thiết, Trần Minh C đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 350.000.000 đồng của Công ty TNHH T M do Tạ Thị Mỹ C làm Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật, rồi bỏ trốn thì bị phát hiện.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự của địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do hành vi của bị cáo thực hiện trước ngày 01/01/2018 ngày bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực, tới nay mới bị đưa ra xét xử nên căn cứ vào quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 áp dụng quy định tại điểm a khoản 03 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử lý hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết đã truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ và đúng qui định của pháp luật.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Bị cáo là một người khỏe mạnh, bị cáo ý thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ thế nhưng với bản chất tham lam, muốn nhanh chóng có thu nhập mà không phải lao động nặng nhọc nên đã dùng thủ đoạn gian dối là giả chữ ký của những người có đất ký vào hợp đồng đặt cọc rồi giao cho người bị hại, làm người bị hại tin tưởng giao tiền cho bị cáo và bị cáo chiếm đoạt luôn số tiền trên để thoả mãn nhu cầu vật chất cá nhân, bất chấp pháp luật.

Hành vi của bị cáo thể hiện tính nguy hiểm cao cho xã hội nên cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự và áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc nhằm để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- **Tình tiết tăng nặng:** Bị cáo không có tình tiết tăng nặng

- **Tình tiết giảm nhẹ:** Tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có cha là liệt sĩ, có mẹ là người có công với cách mạng. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo..

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ và với mức án mà Kiểm sát viên đề nghị là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Trên cơ sở cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có xem xét nhân thân của bị cáo xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định là cần thiết. Tuy nhiên

xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, bị cáo sinh ra trong gia đình cách mạng, có cha là liệt sĩ, có mẹ là người có công với cách mạng, đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại nên khoan hồng áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là đã đủ răn đe và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Biện pháp tư pháp:

- **Về phần bồi thường dân sự:** Tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của bị hại khai là đã nhận số tiền bồi thường là 100.000.000 đồng từ gia đình bị cáo. Nay yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm số tiền là 250.000.000 đồng tiền gốc và yêu cầu bị cáo phải trả thêm số tiền 350.000.000 đồng tiền lãi do bị cáo đã chiếm dụng số tiền 350.000.000 đồng của người bị hại 11 năm nay.

Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bị hại, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 250.000.000 đồng tiền gốc và 350.000.000 đồng tiền lãi là phù hợp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Nhật A là người nhà của bị cáo cho rằng gia đình bị cáo C dưới sự tác động của bị cáo đã tự nguyện bồi thường dùm cho C số tiền trên và nay không có ý kiến gì về số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo có cha là liệt sĩ nên được miễn chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 của pháp luật. .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- **Căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự 2015.**

- **Tuyên bố:** Bị cáo Trần Minh C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- **Xử phạt:** Trần Minh C 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2022.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Minh C phải bồi thường cho Công ty TNHH T M số tiền 250.000.000 đồng tiền gốc và 350.000.000 đồng tiền lãi.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 02 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử

dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Minh C được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. (Điều 13, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về Quyết định lãi, lãi suất trong bản án quyết định của Tòa án)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 02 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án..

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Phan Thiết;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Công an tp Phan Thiết;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án thành phố Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

**TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa**

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phan Thiết , ngày 29 tháng 7 năm 2015 ;

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Xuân

Các hội thẩm nhân dân :

1/ Ông Nguyễn Bính ,

2/ Bà Lưu Thị Thôi ,

Căn cứ vào các điều 199 và Điều 222 của Bộ luật tố tụng Hình sự ;

Vào hồi 10 giờ 00' ngày 29 tháng 7 năm 2015 tại phòng nghị án , Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án với vụ án :

Nguyễn Ngọc Yến – Sinh năm : 1957 – Trú tại, Khu phố Yên Vực 1, phường Tào Xuyên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa , bị truy tố về tội “ Cố ý gây thương tích ” theo quy định tại các điểm a, khoản 01, khoản 03 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa , trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo , người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa ,Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề giải quyết trong vụ án như sau :

1/ Về tội danh : Hành vi của bị cáo **Nguyễn Ngọc Yến** đủ yếu tố cấu thành tội “**Cố ý gây thương tích** ” ” theo quy định tại các điểm a khoản 01, khoản 03 Điều 104 Bộ luật hình sự ; Kết quả biểu quyết : 3/3 ;

2/ Về điều luật áp dụng :
khoản 3 Điều 104 , điểm p , b khoản 01 , khoản 02 D(iều 46 , điều 47 Bộ luật hình sự. Kết quả biểu quyết : 3/3

3/ Về mức hình phạt :

***Xử phạt :** Nguyễn Ngọc Yến 30 tháng tù , thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án . Kết quả biểu quyết : 3/3.

4/ Về các vấn đề khác :

***Về trách nhiệm bồi thường Dân sự :** Áp dụng khoản 01 điều 42 Bộ luật Hình sự , điều 609 Bộ luật Dân sự :

Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Ngọc Yến đã bồi thường cho Ông Lê Ngọc Hoàng 22 triệu đồng tiền chi phí điều trị .

Tuyên buộc Nguyễn Ngọc Yến phải tiếp tục bồi thường cho Lê Ngọc Hoàng 10 triệu đồng tiền bù đắp tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm hại .

Từ khi bản án có hiệu lực, người được thi hành án có đơn yêu cầu, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

*** Về án phí :** Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 500.000đ án phí sơ thẩm dân sự .

Quyền kháng cáo bản án của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về những phần có liên quan là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Quyền kháng cáo bản án của người bị hại là 15 ngày tròn kể từ ngày được niêm yết hoặc tổng đạt bản án .

Kết quả biểu quyết : 3/3

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Bính Lưu Thị Thôi

Nguyễn Thị Như Xuân